

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 60/2023/DS-PT

Ngày: 16- 01- 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuận

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức

Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk: Ông Nguyễn Chí Hiếu
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 335/2022/TLPT-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2022/DS-ST, ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 343/2022/QĐ-PT, ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan T, sinh năm 1965 và bà Lâm Thị C, sinh năm 1971. Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã TH, huyện BĐ, tỉnh Đăk Lăk, đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 121 đường HV, phường TA, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Mai Quốc A – Văn phòng luật sư A Đăk Lăk thuộc đoàn luật sư tỉnh Đăk Lăk. Địa chỉ: Số 121 đường HV, phường TA, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến X, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Q. Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã EH, huyện BĐ, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Nguyễn Tiến P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 6, xã EH, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Ông Lê T N – sinh năm: 1987

Địa chỉ: 17 B. P. TL, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09 tháng 04 năm 2022, vợ chồng ông Phan T, bà Lâm Thị C thỏa thuận với vợ chồng ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q để xác lập một hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 267; Tờ bản đồ số: 03; Diện tích đất: 110m² (Trên bì); Thực tế: Ngang phía trước: 13,7 mét; ngang phía sau: 12,66 mét). Địa chỉ nhà và đất tại thôn 5, xã EH, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk. Trên thửa đất có một ngôi nhà xây cấp 4. Giá bán hai bên thỏa thuận: 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng). Tiền cọc bên mua giao cho bên bán ngay khi ký kết hợp đồng đặt cọc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Khi xác lập hợp đồng đặt cọc, bên chuyển nhượng (ông Nguyễn Tiến X và bà Nguyễn Thị Q) cam kết toàn bộ diện tích nhà ở và đất thực tế là 483m² (Ngang phía trước: 13,7 mét; ngang phía sau: 12,66 mét; dài 36,5 mét) là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bán, bên bán chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích 483m² ở trên là vì không có tiền đóng tiền thuế để cấp bì cho toàn bộ diện tích. Sau khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên bán (ông Nguyễn Tiến X và bà Nguyễn Thị Q) sẽ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích đất nói trên cho vợ chồng ông T, bà C.

Sau khi tìm hiểu, ông Phan T được biết, chỉ có 110m² như trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc sở hữu của ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q, diện tích còn lại mà ông X, bà Q chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà C không thuộc quyền sở hữu của ông X, bà Q mà là đất ông X, bà Q lấn chiếm của Nhà nước. Hơn nữa, đối với ngôi nhà ông X, bà Q chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà C thì có một phần ngôi nhà (diện tích khoảng 6m²) không nằm trên diện tích đất thuộc sở hữu của ông X, bà Q mà nằm trên diện tích đất của Nhà nước.

Việc vợ chồng Nguyễn Tiến X, Nguyễn Thị Q đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích 483m² cho ông T, bà C là lừa dối và không trung thực. Bởi vì ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q đã chuyển nhượng phần đất không thuộc quyền sở hữu của mình.

Ngày 28/5/2022 ông Phan T đã đến nhà ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q để yêu cầu trả lại tiền cọc, với L do ông X, bà Q đã chuyển nhượng hết phần đất không thuộc quyền sở hữu của mình là có hành vi lừa dối vợ chồng ông T, bà C. Tuy nhiên, vợ chồng ông X, bà Q không trả lại tiền cọc cho ông T, bà C.

Vì vậy, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q phải trả lại cho vợ chồng ông Phan T, bà Lâm Thị C số tiền đặt cọc đã nhận là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

*** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Tiến P trình bày:**

Ngày 09/4/2022, vợ chồng ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q và vợ chồng ông Phan T, bà Lâm Thị C có thỏa thuận ký kết một hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 267, tờ bản đồ số 03, diện tích 110m² (thực tế mặt tiền 13,7m, mặt sau 12,66m), địa chỉ thửa đất tại thôn 5, xã EH, huyện BD. Tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà xây cấp 4. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng). Hợp đồng đặt cọc các bên thỏa thuận hai lần giao tiền, cụ thể:

Lần thứ nhất: Bên nhận chuyển nhượng (ông T, bà C) giao số tiền đặt cọc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) cho bên chuyển nhượng (ông X, bà Q).

Lần thứ hai: Đến ngày 09/6/2022, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng sẽ đi công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên và bên nhận chuyển nhượng sẽ trả hết số tiền còn lại là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Tuy nhiên, trước ngày 09/6/2022, gia đình ông X, bà Q đã chủ động liên lạc (điện thoại và nhắn tin) cho vợ chồng ông T, bà C để làm thủ tục công chứng nhưng vợ chồng ông T, bà C không nghe điện thoại và không trả lời tin nhắn của vợ chồng ông X, bà Q.

Theo quy định tại hợp đồng đặt cọc mà hai bên đã thỏa thuận thì hợp đồng đặt cọc đã hết thời hạn công chứng vào ngày 09/6/2022. Vợ chồng ông T, bà C không thực hiện đúng theo hợp đồng đặt cọc và phải chịu mất tiền cọc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Đề nghị Tòa án xem xét và chấm dứt hợp đồng đặt cọc được ký kết ngày 09/4/2022 giữa vợ chồng ông T, bà C với vợ chồng ông X, bà Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Phan T, bà Lâm Thị C luật sư Mai Quốc A trình bày: Trước ngày 09/6/2022 (tức ngày 28/5/2022), sau khi tìm hiểu thông tin và biết được một phần diện tích thuộc thửa đất số 267, tờ bản đồ số 03 là đất của Nhà Nước không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phát hiện bị ông X, bà Q có hành vi lừa dối nên ông Phan T đến nhà ông X, bà Q để thông báo và đề nghị lấy lại tiền đặt cọc. Ông X, bà Q đã đồng ý trả lại tiền đặt cọc, nhưng nói khi nào bán được đất cho người khác sẽ trả lại tiền đặt cọc. Tại Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hình thức giao dịch dân sự: “1. Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể”. Như vậy, về lời nói và hành vi của ông T đến nhà ông X, bà Q để trình bày sự việc được hai bên thừa nhận và thể hiện sự nhất trí của các bên về việc thống nhất hủy hợp đồng đặt cọc ngày 09/4/2022 để chuyển qua xác lập việc thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền cọc. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết và buộc ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q phải trả lại cho vợ

chồng ông Phan T, và Lâm Thị C số tiền cọc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 95; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 328, Điều 401, Điều 410 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan T, bà Lâm Thị C.

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q phải có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông Phan T, bà Lâm Thị C số tiền đặt cọc đã nhận là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2022, ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q kháng cáo bản án với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Mai Quốc A trình bày:

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền đặt cọc 300.000.000đồng là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê T N đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn chuyển nhượng đất cho nguyên đơn đúng như hợp đồng đặt cọc không có che dấu, hay lừa dối như nguyên đơn trình bày. Bị đơn cam kết chuyển nhượng cho nguyên đơn 110m² đất như diện tích trong GCNQSDĐ, diện tích còn lại chỉ cam kết giao để sử dụng chứ không cam kết làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bị đơn toàn bộ diện tích 483m².

Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị đơn lấn chiếm đất của nhà nước rồi chuyển nhượng đất cho nguyên đơn. Nội dung xác minh

của UBND xã không thể hiện ngoài phần đất 110m trong GCNQSD phần đất còn lại sẽ thu hồi đất có nghĩa đất là của bị đơn mới bị thu hồi chứ bị đơn không có lần chiếm của nhà nước.

Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bác đơn khởi kiện của nguyên đơn đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá Đại diện Viện kiểm sát cho rằng bản án sơ thẩm không giải quyết hợp đồng đặt cọc là thiếu sót cần rút kinh nghiệm, cấp phúc thẩm cần xem xét bổ sung. Về nội dung bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả lại 300.000.000đồng tiền đặt cọc cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, kháng cáo của ông X, bà Q là không có cơ sở. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST, ngày 22/8/2022, của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 09/4/2022, hai bên thỏa thuận để ký hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 267, tờ bản đồ 03, diện tích 110m² tại thôn 5, xã EH, huyện BD thực tế mặt tiền: 13,7m; mặt sau: 16,66m với giá chuyển nhượng 1.300.000.000đồng. Ngày 09/4/2022, vợ chồng ông Phan T, bà Lâm Thị C đặt cọc trước 300.000.000đồng. Số tiền còn lại 1.000.000.000 đồng đến ngày 09/6/2022 khi các bên đi công chứng hợp đồng chuyển nhượng thì ông Phan T, bà Lâm Thị C phải thanh toán đầy đủ cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q đổi ý không bán thì phải bồi thường số tiền gấp 02 lần tổng giá trị đặt cọc, đảm bảo những thông tin về nhân thân, nhà đất chuyển nhượng đã ghi trong thỏa thuận hợp đồng đặt cọc là chính xác, đúng sự thật và cam kết chịu trách nhiệm trước cơ quan thuế về giá trị thanh toán trên hợp đồng chuyển nhượng tại văn phòng công chứng với số tiền 1.300.000.000 đồng. Vợ chồng ông Phan T, bà

Lâm Thị C có trách nhiệm thanh toán tiền cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng đặt cọc mà hai bên thỏa thuận. Trường hợp ông Phan T, bà Lâm Thị C đổi ý không mua sẽ bị mất tiền cọc.

[2]. Tại biên bản xác minh ngày 16/8/2022 đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Đối với thửa đất số 267, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất tại thôn 5, xã EH, huyện BD có 110m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Khoảng 300m² diện tích đất tăng thêm đối với thửa đất trên nằm trong hành lang an toàn sông suối, hành lang an toàn giao thông (quy hoạch làm đường tỉnh lộ 17), sẽ bị thu hồi và không xem xét để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, ông X bà Q lập hợp đồng đặt cọc với ông T bà C để chuyển nhượng cả phần đất ông bà không có quyền sử dụng đất, đất nằm trong hành lang an toàn sông suối, hành lang an toàn giao thông (quy hoạch làm đường tỉnh lộ 17) nên cần xác định hợp đồng đặt cọc ngày 23/11/2021 giữa ông X bà Q với ông T bà C vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được theo quy định tại Điều 408 BLDS năm 2015, kể từ khi giao kết hợp đồng đặt cọc, đối tượng trong hợp đồng không thể thực hiện được. Cấp sơ thẩm không giải quyết hợp đồng đặt cọc là thiếu sót. Để đảm bảo giải quyết vụ án một cách triệt để cấp phúc thẩm cần sửa một phần bản án sơ thẩm, áp dụng các Điều 328, 408 BLDS tuyên hợp đồng đặt cọc ngày 23/11/2021 giữa ông X bà Q với ông T bà C vô hiệu.

Áp dụng khoản 2, Điều 131 BLDS để giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 300.000.000 đồng tiền đặt cọc là có căn cứ nhưng lại viện dẫn việc các đương sự thỏa thuận trả lại tiền cọc là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q – sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện BD.

[3] Về án phí: Tại cấp phúc thẩm ông Nguyễn Tiến X có nộp đơn xin miễn tiền án phí dân sự. Tuy nhiên, ông X chưa đủ 60 tuổi, không được coi là người cao tuổi nên không được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Tiến X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q – sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 95; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 131, 328, Điều 401, Điều 408 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan T, bà Lâm Thị C.

Tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 09/4/2022 giữa ông Phan T, bà Lâm Thị C và ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q vô hiệu.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q phải có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông Phan T, bà Lâm Thị C số tiền đặt cọc đã nhận là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phan T, bà Lâm Thị C 3.805.000 đồng về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại vợ chồng ông Phan T, bà Lâm Thị C 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0002716 ngày 05/7/2022.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Q nhận lại 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0019134 ngày 12/10/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuận